

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 11 - AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 16/2026/HS-ST
Ngày 11 - 02 - 2026

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 11 - AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm tại điểm cầu trung tâm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Phước Sang

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Huỳnh Văn Dứt

2. Ông Võ Thanh Nhân

- Thư ký phiên tòa tại điểm cầu trung tâm: Ông Hồ Nhựt Huy - Thư ký
Tòa án nhân dân Khu vực 11 - An Giang

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 11 - An Giang tham gia phiên tòa tại điểm cầu trung tâm: Ông Lê Trần L - Kiểm sát viên

- Người tiến hành tố tụng tại điểm cầu thành phần:

+ Ông Võ Xuân H – Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 11 - An Giang;

+ Bà Nguyễn Thị Diễm T - Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 11 - An Giang.

Ngày 11 tháng 02 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 11 - An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 80/2025/TLST-HS ngày 03 tháng 12 năm 2025 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 05/2025/QĐXXST-HS ngày 13 tháng 01 năm 2025 của Tòa án nhân dân Khu vực 11 - An Giang đối với bị cáo:

Lê Thị D, sinh ngày 01/01/1974, tại tỉnh An Giang (trước đây là huyện A, tỉnh An Giang); CCCD số 089174014331, cấp ngày 20/11/2024; nơi cư trú: Ấp P, xã A, tỉnh An Giang (trước đây là ấp P, xã P, huyện A, tỉnh An Giang); nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: Không biết chữ; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Văn H1 (đã chết) và bà Dương Thị Đ (đã chết); chồng là ông Mạc Văn P (không rõ năm sinh, đã ly hôn); có 01 (một) người con tên Mạc Thị N, sinh năm 1991.

Tiền sự: Không;

Tiền án:

- Ngày 09/9/2011, bị Tòa án nhân dân huyện Châu Phú, tỉnh An Giang xử

phạt 06 (sáu) tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” (BL: 49-51). Bị cáo kháng cáo. Ngày 27/10/2011, Tòa án nhân dân tỉnh An Giang không chấp nhận kháng cáo của bị cáo, giữ nguyên án sơ thẩm (BL: 52-53). Ngày 27/12/2011, chấp hành xong hình phạt tù (BL: 66) nhưng chưa thực hiện nghĩa vụ đóng án phí (BL: 65, 69a).

- Ngày 13/6/2012, bị Tòa án nhân dân huyện Châu Phú, tỉnh An Giang xử phạt 01 (một) năm tù về tội “Trộm cắp tài sản” (BL: 54-55). Ngày 03/3/2023, chấp hành xong hình phạt tù (BL: 67) nhưng chưa thực hiện nghĩa vụ đóng án phí (BL: 65, 69b).

- Ngày 11/5/2020, bị Tòa án nhân dân thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương xử phạt 02 (hai) năm tù về tội “Trộm cắp tài sản” (BL: 56-57). Ngày 18/02/2022, chấp hành xong hình phạt tù (BL: 68) và các quyết định khác của bản án (BL: 64).

- Ngày 20/02/2023, bị Tòa án nhân dân thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương xử phạt 03 (ba) năm tù về tội “Trộm cắp tài sản” (BL: 59-61). Ngày 05/6/2025, chấp hành xong hình phạt tù (BL: 69) và các quyết định khác của bản án (BL: 64).

Bị bắt, tạm giữ từ ngày 15/9/2025 (BL: 06) đến ngày 24/9/2025 chuyển sang tạm giam cho đến nay (BL: 26). Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- *Người bị hại:*

1. Ông Quách Phương T1, sinh ngày 09/3/1995; CCCD số 089095016675, cấp ngày 14/9/2021; nơi cư trú: Ấp T, xã C, tỉnh An Giang (trước đây là khóm T, thị trấn C, huyện C, tỉnh An Giang) (vắng mặt);

2. Bà Nguyễn Thị Thùy D1, sinh ngày 25/9/1994; CCCD số 089194017734, cấp ngày 06/8/2025; nơi cư trú: Ấp T, xã C, tỉnh An Giang (trước đây là khóm T, thị trấn C, huyện C, tỉnh An Giang) (vắng mặt).

- *Người làm chứng:*

1. Ông Quách Phương T2 (vắng mặt);

2. Bà Trương Thị Thu L1 (vắng mặt);

3. Bà Phan Thị Tuyết N1 (vắng mặt);

4. Ông Nguyễn Anh P1 (có mặt).

(Bị cáo tham gia tại điểm cầu thành phần. Bị hại và người làm chứng tham gia tại điểm cầu trung tâm).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 07 giờ 00 phút, ngày 15/9/2025, Lê Thị D một mình đi bộ đến khu vực chợ ở ấp T, xã C, tỉnh An Giang nhìn thấy cửa tiệm bán trang sức bạc

“Dương Tuấn” của Quách Phương T1 làm chủ, không có người trông coi nên nảy sinh ý định vào trong lấy trộm tài sản. Thực hiện ý định này, D đi vào bên trong cửa tiệm, phát hiện trên bàn có 03 điện thoại di động hiệu iphone 12 Pro, OPPO Reno 6 và iphone XS nên D đi đến lấy 03 điện thoại cất giấu vào túi xách đang mang theo, rồi nhanh chóng đi ra khỏi tiệm. Sau đó, D đến cửa hàng điện thoại di động “Phong N2” thuộc ấp K, xã C để bán 03 điện thoại vừa trộm được, nhưng chủ cửa hàng không mua, nên D mang về nhà của Phan Thị Tuyết N1 ở ấp H, xã C gửi túi xách bên trong có 03 điện thoại, nhưng không cho N1 biết tài sản do trộm được. Riêng T1, phát hiện 03 điện thoại bị mất trộm nên trích xuất camera biết được D là người lấy cắp, nên đến Công an trình báo. Cơ quan điều tra đã thu giữ đoạn clip camera này. Đến khoảng 09 giờ 30 phút cùng ngày, nhận thấy hành vi lấy trộm tài sản là vi phạm pháp luật, nên D đến Công an xã C, giao nộp 03 điện thoại đã lấy trộm.

Vật chứng thu giữ: 01 điện thoại iphone 12 Pro, màu vàng, RAM: 08GB, bộ nhớ trong: 256GB; 01 điện thoại di động OPPO Reno 6, màu bạc, RAM: 08GB, bộ nhớ trong: 125GB; 01 điện thoại iphone XS, màu vàng, RAM: 04GB, bộ nhớ trong: 64GB (đều đã qua sử dụng, đang sử dụng); 01 giỏ vải bông, có quai xách; 01 cái nón màu trắng; 01 cái khăn rằn; 01 cái áo khoác màu hồng - trắng - xanh; 01 cái quần dài màu đen. Đã trả lại 03 điện thoại di động cho Quách Phương T1 và Nguyễn Thị Thùy D1.

Kết luận định giá tài sản số 897/KL-HĐĐG.TTHS ngày 03/11/2025 của Hội đồng định giá trong tố tụng hình sự thường xuyên xã C xác định:

- 01 điện thoại iphone 12 Pro, màu vàng, RAM: 08GB, bộ nhớ trong: 256GB, có giá trị 8.066.000 đồng;

- 01 điện thoại di động OPPO Reno 6, màu bạc, RAM: 08GB, bộ nhớ trong: 125GB, có giá trị 2.867.000 đồng;

- 01 điện thoại iphone XS, màu vàng, RAM: 04GB, bộ nhớ trong: 64GB, có giá trị 2.567.000 đồng;

Tổng giá trị là 13.500.000 đồng.

Ngày 24/9/2025, Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an tỉnh A khởi tố vụ án về tội “Trộm cắp tài sản”.

Ngày 24/9/2025, Lê Thị D bị Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an tỉnh A khởi tố về tội “Trộm cắp tài sản” để điều tra.

Trong quá trình điều tra, bị cáo Lê Thị D, người bị hại và những người làm chứng khai nhận phù hợp với nội dung vụ án nêu trên.

Tại Bản Cáo trạng số 37/CT-VKSKV11 ngày 03/12/2025 của Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 11 - An Giang đã truy tố bị cáo Lê Thị D về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại điểm g khoản 2 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2025.

Tại phiên tòa,

Bị cáo Lê Thị D thừa nhận hành vi phạm tội như nội dung của Bản Cáo trạng, không oan và khai nhận: Do cần tiền tiêu xài và không thấy người trông coi tài sản nên bị cáo mới lén lút chiếm đoạt tài sản của người bị hại. Chỉ có bị cáo thực hiện hành vi trộm cắp tài sản của người bị hại. Bị cáo biết hành vi của mình là vi phạm pháp luật, rất ăn năn, hối cải, xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Đại diện Viện kiểm sát thực hành quyền công tố tại phiên tòa, sau khi xét hỏi, tranh luận, xem xét tính chất vụ án, mức độ và hậu quả từ hành vi phạm tội của bị cáo, xem xét các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự, phát biểu lời luận tội và quan điểm giải quyết vụ án, đề nghị với Hội đồng xét xử:

Áp dụng: Điểm g khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 và Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2025.

Xử phạt: Bị cáo Lê Thị D từ 03 (ba) năm tù đến 04 (bốn) năm tù về tội “Trộm cắp tài sản”.

Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Về phân xử lý vật chứng: Tịch thu tiêu hủy 01 giỏ vải bông, có quay xách; 01 cái nón màu trắng; 01 cái khăn rằn; 01 cái áo khoác màu hồng - trắng - xanh; 01 cái quần dài màu đen.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng và chứng cứ trong hồ sơ vụ án: Trong quá trình điều tra, truy tố, Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an tỉnh A, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 11 - An Giang, Kiểm sát viên đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng cũng như các chứng cứ được thu thập trong quá trình điều tra. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện và chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đều hợp pháp.

[1.2] Tại phiên tòa, người bị hại và một số người làm chứng vắng mặt không rõ lý do, mặc dù Tòa án đã tổng đạt giấy triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa. Xét thấy, sự vắng mặt của họ không gây trở ngại đến việc xét xử giải quyết vụ án, mặt khác, những người này đã có lời khai trong quá trình điều tra, khi cần thiết Hội đồng xét xử sẽ công bố lời khai của họ tại phiên tòa. Căn cứ Điều 292 và Điều 293 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2025, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Những chứng cứ xác định hành vi phạm tội của bị cáo:

Lời nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo trong giai đoạn điều tra về việc thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản của người bị hại; phù hợp lời khai người bị hại và người làm chứng về thời gian, địa điểm xảy ra vụ án và vật chứng được thu giữ; phù hợp biên bản khám nghiệm hiện trường ngày 15/9/2025, Bản kết luận định giá tài sản số 897/KL-HĐĐG.TTHS ngày 30/11/2025 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự xã C, tỉnh An Giang và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Đã có đủ cơ sở kết luận: Vào khoảng 07 giờ 20 phút, ngày 15/9/2025, tại ấp T, xã C, tỉnh An Giang, bị cáo Lê Thị D đã có hành vi lén lút chiếm đoạt của ông Quách Phương T1 01 điện thoại iphone 12 Pro, màu vàng, RAM: 08GB, bộ nhớ trong: 256GB, có giá trị 8.066.000 đồng; 01 điện thoại di động OPPO Reno 6, màu bạc, RAM: 08GB, bộ nhớ trong: 125GB, có giá trị 2.867.000 đồng; chiếm đoạt của bà Nguyễn Thị Thùy D1 01 điện thoại iphone XS, màu vàng, RAM: 04GB, bộ nhớ trong: 64GB, có giá trị 2.567.000 đồng. Tổng giá trị tài sản mà ông Quách Phương T1 và bà Nguyễn Thị Thùy D1 bị chiếm đoạt là 13.500.000 đồng.

Căn cứ vào quy định của Bộ luật Hình sự, hành vi của bị cáo Lê Thị D đã cấu thành tội “Trộm cắp tài sản”, tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm g khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2025, có khung hình phạt từ 02 (hai) năm tù đến 07 (bảy) năm tù, là tội phạm nghiêm trọng. Do đó, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 11 - An Giang đã truy tố bị cáo Lê Thị D về Tội danh và Điều luật đã viện dẫn là hoàn toàn có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng quy định của pháp luật.

[3] Về tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội, các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự đối với bị cáo:

Quyền sở hữu là một trong những quyền thiêng liêng gắn với mỗi cá nhân, được pháp luật ghi nhận và bảo vệ. Chính vì vậy, bên cạnh việc xử lý hành chính, pháp luật hình sự còn áp dụng chế tài nghiêm khắc nhất là hình phạt đối với những ai xâm phạm đến quyền sở hữu của người khác.

Bị cáo Lê Thị D là người có nhân thân xấu, đã nhiều lần bị xử phạt tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Lẽ ra, sau khi chấp hành xong hình phạt, bị cáo phải biết ăn năn, hối cải đối với hành vi vi phạm của bản thân, cố gắng lao động để tạo ra của cải, vật chất một cách chính đáng để nuôi sống bản thân, trở thành người có ích cho gia đình, xã hội và làm tấm gương tốt để nuôi dạy con, cháu. Không làm được điều này, với lối sống thiếu rèn luyện, lười lao động lại thích hưởng thụ, bị cáo tiếp tục dấn thân vào con đường phạm tội, chỉ vì cần tiền để tiêu xài, bị cáo nảy sinh ý định tìm tài sản của người khác để lấy trộm, khi thấy tài sản của người bị hại không người trông giữ, bị cáo liền thực hiện hành vi chiếm đoạt 01 điện thoại iphone 12 Pro, 01 điện thoại di động OPPO Reno 6 và 01 điện thoại iphone XS với tổng giá trị tài sản bị chiếm đoạt là 13.500.000 đồng.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo xuất thân từ thành phần nhân dân lao động nghèo, không biết chữ; sau khi phạm tội đã đến Cơ quan công an đầu thú; trong quá trình điều tra và tại phiên tòa đã thành khẩn khai báo,

tỏ rõ thái độ ăn năn, hối cải đối với hành vi vi phạm của bản thân. Đây là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2025 mà Hội đồng xét xử xem xét áp dụng khi quyết định hình phạt để giảm nhẹ một phần hình phạt đối với bị cáo.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo Lê Thị D không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của người bị hại một cách trái pháp luật, gây mất an ninh trật tự tại địa phương, mặc dù đã bị xét xử nhiều lần về tội “Trộm cắp tài sản” nhưng bị cáo tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội, thể hiện thái độ không biết ăn năn, hối cải và xem thường pháp luật của bị cáo. Do đó, cần phải có một mức hình phạt nghiêm, tương xứng với hành vi của bị cáo đó là áp dụng hình phạt tù để cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội trong một khoảng thời gian nhất định mới có tác dụng giáo dục, cải tạo bị cáo và răn đe, phòng ngừa chung cho xã hội.

Về hình phạt bổ sung: Do bị cáo không có nghề nghiệp và thu nhập ổn định, thuộc thành phần nhân dân lao động nghèo nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[4] Về trách nhiệm dân sự:

Bị cáo là người thực hiện hành vi phạm tội, đã xâm phạm đến tài sản của người khác một cách trái pháp luật nên phải có nghĩa vụ bồi thường thiệt hại cho người bị hại theo quy định tại Điều 589 Bộ luật Dân sự. Tuy nhiên, người bị hại đã nhận lại toàn bộ tài sản bị chiếm đoạt và không yêu cầu bị cáo có nghĩa vụ bồi thường nên Hội đồng xét xử không đặt ra để xem xét.

[5] Về xử lý vật chứng:

Đối với 01 điện thoại iphone 12 Pro, 01 điện thoại di động OPPO Reno 6 và 01 điện thoại iphone XS đã trả lại cho những người bị hại nên Hội đồng xét xử không đặt ra để xem xét.

Đối với: 01 (một) giỏ vải bông, có quay xách; 01 (một) cái nón màu trắng; 01 (một) cái khăn rằn; 01 (một) cái áo khoác màu hồng- trắng- xanh; 01 (một) cái quần dài màu đen. Đây là tài sản của bị cáo không còn giá trị sử dụng và bị cáo không yêu cầu nhận lại nên tịch thu tiêu hủy.

[6] Về án phí và quyền kháng cáo:

Bị cáo bị kết án nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2025.

Bị cáo và người bị hại có quyền kháng cáo Bản án theo quy định tại Điều 331 và Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2025.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Lê Thị D phạm tội “Trộm cắp tài sản”.
2. Căn cứ điểm g khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2025.
Xử phạt: Bị cáo Lê Thị D 04 (bốn) năm tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính kể từ ngày 15/9/2025.
3. Về xử lý vật chứng vụ án: Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2025.

Tịch thu tiêu hủy:

- 01 (một) giỏ vải bông, có quay xách;
- 01 (một) cái nón màu trắng;
- 01 (một) cái khăn rằn;
- 01 (một) cái áo khoác màu hồng- trắng- xanh;
- 01 (một) cái quần dài màu đen.

(Tất cả các vật chứng trên hiện do Thi hành án dân sự tỉnh An Giang quản lý theo Biên bản giao, nhận vật chứng ngày 09/12/2025 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an tỉnh A và Thi hành án dân sự tỉnh An Giang)

4. Về án phí hình sự sơ thẩm: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2025; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bị cáo Lê Thị D phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 331; Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2025.

Bị cáo có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án.

Đối với người bị hại vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc ngày Bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

6. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, sự tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,

Điều 7, Điều 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND tỉnh An Giang;
- VKSND Khu vực 11 - An Giang;
- Sở Tư pháp tỉnh An Giang;
- CQTHAHS Công an tỉnh An Giang;
- Thi hành án dân sự tỉnh An Giang;
- Bộ phận THAHS Tòa án;
- UBND cấp xã nơi BC cư trú;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu Văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Phước Sang